

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-8-2019  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Ngọc Công.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
2. Ông Từ Anh Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tô Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Cao Thúy V, sinh năm 1984; thường trú: Số 56A đường B Th C, khu phố Đ A, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983; thường trú: Số 11/5 khu phố H Th, phường B Th, thị xã D A, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Số 64A, tổ N, khu phố Đ Th, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**\* Người tham gia tố tụng khác:**

**- Người làm chứng:** Chị Huỳnh Thị Kim A, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 56A đường B Th C, khu phố Đ A, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Cao Thúy V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Cao Thúy V và anh Nguyễn Thanh T sau một thời gian tìm hiểu thì tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X B, thị xã L Kh, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 003, quyền số 01/10 cấp ngày 18/01/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị V sinh sống tại địa chỉ số 56A đường B Th C, khu phố Đ A, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu chị V và anh T sống rất hạnh phúc. Đến năm 2016, hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T cờ bạc, có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị V và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Trần Nhật A, sinh ngày 09/9/2010. Sau khi ly hôn, chị Trần Cao Thúy V là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Tồng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Trần Cao Thúy V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị Trần Cao Thúy V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập bị đơn anh Nguyễn Thanh T yêu cầu cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vào ngày 10/6/2019 nhưng anh T vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập anh T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 28/6/2019 nhưng anh T vắng mặt không lý do và nguyên đơn có đơn xin không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được. Vào các ngày 12/8/2019 và ngày 30/8/2019, Tòa án triệu tập anh Nguyễn Thanh T tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không lý do.

- Người làm chứng chị Huỳnh Thị Kim A trình bày: Chị A tạm trú tại nhà vợ chồng chị V và anh T, chị A biết được nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị V và anh T là do anh Tồng có quan hệ với người phụ nữ khác, hai vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân.

- Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An ngày 22/4/2019 tại UBND phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương không tiếp nhận thông tin từ cơ

sở phản ánh về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Cao Thúy V và anh Nguyễn Thanh T, đồng thời không tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập 02 lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chị Trần Cao Thúy V và anh Nguyễn Thanh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần Nhật A, sinh ngày 09/9/2010, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị V và anh T đã kéo dài, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên yêu cầu ly hôn của chị V là có cơ sở. Và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn và ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh Tồng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Cao Thúy V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Thanh T được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ 02 lần vào các ngày 12/8/2019 và ngày 30/8/2019 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Cao Thúy V và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X B, thị xã L Kh, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 003, quyển số 01/10 cấp ngày 18/01/2010 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị V xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T cờ bạc, có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến làm việc nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, anh T không đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, anh T cũng không có văn bản thể hiện thiện chí đưa ra phương án hàn gắn mối quan hệ giữa anh với

chị V, vì vậy có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị V và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Trần Cao Thúy V yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Cao Thúy V và anh Nguyễn Thanh T có 01 con chung tên Nguyễn Trần Nhật A, sinh ngày 09/9/2010. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, chị V yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét hiện nay cháu A còn nhỏ, đang sinh sống cùng với chị V, chị V có công việc và thu nhập ổn định, nguyện vọng của cháu A mong muốn sinh sống với mẹ, đồng thời trong suốt quá trình tố tụng anh T không có ý kiến gì về việc tranh chấp nuôi con với chị V. Do đó, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung và quyền lợi của người phụ nữ sau khi ly hôn cần giao cháu Nguyễn Trần Nhật A cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Cao Thúy V không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung, nợ chung: Chị Trần Cao Thúy V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[4] Về án phí ly hôn: Chị Trần Cao Thúy V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Cao Thúy V đối với anh Nguyễn Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Cao Thúy V được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 003, quyển số 01/10 do Ủy ban nhân dân phường X B, thị xã L Kh, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 18/01/2010).

Về con chung: Anh Nguyễn Thanh T giao con chung tên Nguyễn Trần Nhật A, sinh ngày 09/9/2010 cho chị Trần Cao Thúy V trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Cao Thúy V không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Cao Thúy V và anh Nguyễn Thanh T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Cao Thúy V không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Cao Thúy V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028596 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND phường X B,  
thị xã L Kh, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Ngọc Công**